UHY ACA Ltd

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU THANH HÀ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
## ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015

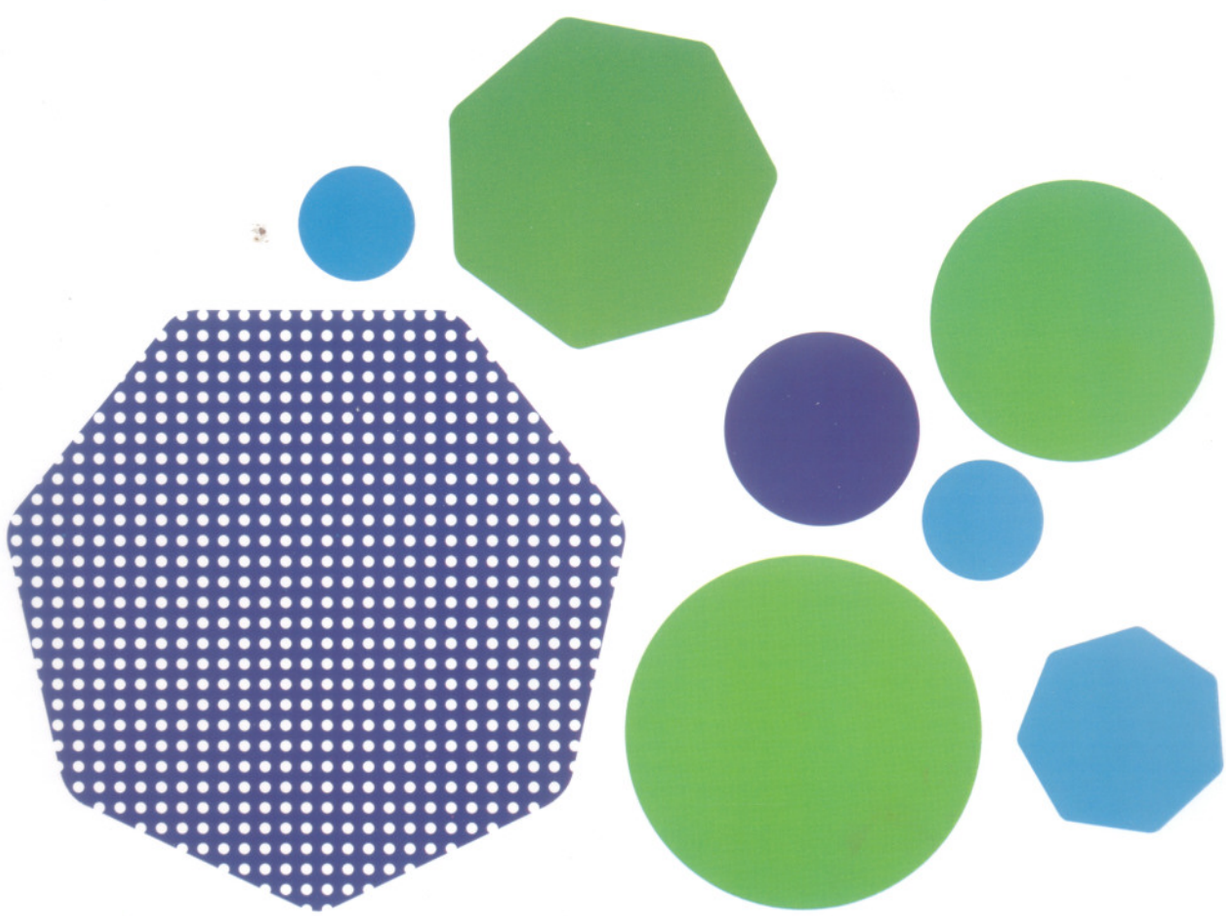

## MỤC LỤC


| NỘI DUNG | TRANG |
|---|---|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 8 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 9 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 10 |

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và cho đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

| | |
|---|---|
| Ông Nguyễn Văn Hợp | Chủ tịch |
| Bà Bùi Thị Thu Hà | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Kim Hoàng | Ủy viên |
| Bà Nguyễn Thị Bình | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Vân | Ủy viên |

**Ban Kiểm soát**

| | |
|---|---|
| Bà Nguyễn Thị Thúy Khang | Trưởng ban |
| Ông Bùi Quang Thắng | Thành viên |
| Bà Nguyễn Kiều Nhi | Thành viên |

**Ban Tổng Giám đốc**

| | |
|---|---|
| Bà Trần Thị Minh | Tổng Giám đốc |
| Ông Bùi Thế Huận | Phó Tổng Giám đốc |

**Kế toán trưởng**

Ông Đào Ngọc Bình

## CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và thay thế Thông tư số 52/2012/TT-BTC) của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU THANH HÀ

**Trần Thị Minh**
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016*

UHY ACA Ltd

Số: 162 /2016/UHY ACA-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015*

*Kính gửi* **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/03/2016, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 07 và Thuyết minh số 12 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2008 Công ty ký 02 hợp đồng với Công ty SHP Steriltecjnik AG (Gustav-Ricker-Phố 62, D-39120 Magdeburg/Đức) gồm: Hợp đồng bán hàng số SHP - THANHHA/01/08 ngày 10/04/2008 và Hợp đồng bán hàng số SHP - THANHHA/02/08 ngày 10/04/2008 về việc cung cấp các thiết bị y tế và dịch vụ đi kèm. Công ty đã thực hiện ứng trước trực tiếp tiền hàng cho Công ty SHP Steriltecjnik AG số tiền khoảng 15 tỷ đồng và mở thư tín dụng (LC) tại ngân hàng tương đương với 60% giá trị hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty SHP Steriltecjnik AG không thực hiện giao hàng. Đến ngày 31/12/2010, LC mở ra để thực hiện hợp đồng này đã hết hạn và hai bên đã không tiếp tục thực hiện hợp đồng này nữa.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)**

Ngoài ra, cũng liên quan đến giao dịch nhập khẩu thiết bị trên Công ty đã ký Hợp đồng kinh tế số 088 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 và hợp đồng kinh tế số 089 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 với Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ Vật tư Khoa học Kỹ thuật và Công trình (nay là Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam) về việc cung cấp 02 hệ thống xét nghiệm di động & 02 hệ thống khử khuẩn cho Bộ Y tế Việt Nam sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Đức thông qua Ngân hàng Tái thiết Đức (Kfw). Theo điều khoản của các hợp đồng này Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam đã ứng trước cho Công ty 8,2 tỷ đồng.

Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này Công ty vẫn chưa đòi được tiền từ nhà cung cấp SHP Steriltecjnik AG và Công ty cũng không thực hiện trả lại tiền đặt cọc cho Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam. Do có dấu hiệu không bình thường giữa các bên tham gia giao dịch này, Cơ quan công an đã tiến hành thu thập thông tin điều tra. Các trách nhiệm và nghĩa vụ nợ liên quan đến các khoản công nợ nói trên sẽ được xác định cụ thể tùy thuộc vào sự đàm phán giữa các bên và phán quyết cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi khoản công nợ trả trước cho nhà cung cấp SHP Steriltecjnik AG cũng như nghĩa vụ phải trả đối với khoản công nợ người mua trả tiền trước của Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam.

Đến thời điểm lập Báo cáo này, tại Công ty con – Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thanh Hà, các khoản công nợ của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận số dư với các đối tác có liên quan tại ngày 31/12/2015, chi tiết số dư các khoản công nợ chưa được đối chiếu, xác nhận như sau: Phải thu khách hàng số tiền 2,5 tỷ đồng và người mua trả tiền trước số tiền 0,36 tỷ đồng; phải thu ngắn hạn khác số tiền 0,2 tỷ đồng; phải trả người bán số tiền 3,8 tỷ đồng và trả trước cho người bán số tiền 0,05 tỷ đồng. Hàng tồn kho số dư 2,796 tỷ (bao gồm hàng trong kho 0,9 tỷ và hàng gửi tại kho nhà cung cấp 1,889 tỷ) chưa được kiểm kê hoặc đối chiếu xác nhận tại thời điểm 31/12/2015. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ý kiến nhận xét về tính hiện hữu và tính đầy đủ của số dư các khoản công nợ, hàng tồn kho chưa được đối chiếu, xác nhận trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 29.2 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về khoản lỗ lũy kế 183.113.928.134 đồng của Công ty trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản của Công ty là 167.832.168.764 đồng, dẫn đến nguồn vốn chủ sở hữu bị âm số tiền tương ứng. Những điều kiện này, cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 29.2, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, tính hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào khả năng thu hồi công nợ phải thu cùng việc đàm phán giãn nợ cho các khoản vay Ngân hàng của Ban Điều hành Công ty và huy động vốn góp bổ sung từ các cổ đông bên ngoài.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

| | |
|---|---|
| **Nguyễn Tự Trung** | **Nguyễn Thị Thu Hà** |
| **Phó Tổng Giám đốc** | **Kiểm toán viên** |
| Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2014-112-1 | Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2014-112-1 |

*Thay mặt và đại diện cho*
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA**
*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 12/31/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|---|---|---|---|---|
| **TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** | | **23.182.860.073** | **25.850.114.221** |
| **Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **4** | **1.134.049.112** | **5.008.144.861** |
| Tiền | 111 | | 1.134.049.112 | 5.008.144.861 |
| **Đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | **5** | **343.620.800** | **309.354.000** |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 458.250.000 | 458.250.000 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | (114.629.200) | (148.896.000) |
| **Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **17.858.835.085** | **16.676.142.475** |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 14.985.330.926 | 9.797.258.469 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 103.695.407.218 | 107.636.158.438 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 1.578.289.471 | 1.454.159.341 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (102.400.192.530) | (102.211.433.773) |
| **Hàng tồn kho** | **140** | **9** | **3.685.299.113** | **3.693.854.381** |
| Hàng tồn kho | 141 | | 3.685.299.113 | 3.693.854.381 |
| **Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | **161.055.963** | **162.618.504** |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 74.965.203 | 162.618.504 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 86.090.760 | - |
| **TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** | | **9.231.140.556** | **10.470.719.110** |
| **Tài sản cố định** | **220** | | **9.119.167.223** | **10.216.100.679** |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 8.834.804.897 | 9.891.981.374 |
| *- Nguyên giá* | *222* | | *23.792.892.033* | *23.185.932.033* |
| *- Giá trị hao mòn luỹ kế* | *223* | | *(14.958.087.136)* | *(13.293.950.659)* |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 284.362.326 | 324.119.305 |
| *- Nguyên giá* | *228* | | *943.668.798* | *943.668.798* |
| *- Giá trị hao mòn luỹ kế* | *229* | | *(659.306.472)* | *(619.549.493)* |
| **Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **111.973.333** | **254.618.431** |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 111.973.333 | 254.618.431 |
| **TỔNG TÀI SẢN** | **270** | | **32.414.000.629** | **36.320.833.331** |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|---|---|---|---|---|
| **NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | | **200.246.169.393** | **193.067.636.049** |
| **Nợ ngắn hạn** | **310** | | **200.246.169.393** | **193.067.636.049** |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 6.616.148.597 | 2.898.896.047 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 12 | 9.090.884.807 | 9.632.995.440 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | | 805.526.357 | 506.922.341 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 92.000.000 | 133.445.304 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 13 | 89.839.986.193 | 79.977.177.800 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 95.454.546 | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 14 | 171.807.183 | 32.426.408.617 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 15 | 92.512.169.351 | 66.469.598.141 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.022.192.359 | 1.022.192.359 |
| **VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | | **(167.832.168.764)** | **(156.746.802.718)** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **410** | **16** | **(167.832.168.764)** | **(156.746.802.718)** |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 12.700.000.000 | 12.700.000.000 |
| *- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | *411a* | | *12.700.000.000* | *12.700.000.000* |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 10.837.095.212 | 10.837.095.212 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (183.113.928.134) | (173.648.057.817) |
| *- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước* | *421a* | | (173.648.057.816) | (156.202.241.577) |
| *- LNST chưa phân phối năm nay* | *421b* | | (9.465.870.318) | (17.445.816.240) |
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 429 | | (11.755.335.842) | (10.135.840.114) |
| **TỔNG NGUỒN VỐN** | **440** | | **32.414.000.629** | **36.320.833.331** |

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Đào Ngọc Bình | Đào Ngọc Bình | Trần Thị Minh |

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU THANH HÀ

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **01** | **18** | **42.185.552.461** | **40.185.840.692** |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 19 | 36.066.832.017 | 36.647.034.849 |
| **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **20** | | **6.118.720.444** | **3.538.805.843** |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 20 | 204.553.824 | 448.895.652 |
| Chi phí tài chính | 22 | 21 | 11.041.941.888 | 17.631.787.469 |
| *Trong đó: Chi phí lãi vay* | *23* | | *9.834.209.263* | *17.293.611.245* |
| Chi phí bán hàng | 25 | 22 | 1.529.171.105 | 1.519.818.272 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 23 | 5.022.980.830 | 6.437.449.504 |
| **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | **30** | | **(11.270.819.555)** | **(21.601.353.750)** |
| Thu nhập khác | 31 | 24 | 440.302.753 | 39.081.326 |
| Chi phí khác | 32 | 25 | 254.849.244 | 20.579.655 |
| **Lợi nhuận khác** | **40** | | **185.453.509** | **18.501.671** |
| **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | **50** | | **(11.085.366.046)** | **(21.582.852.079)** |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | - | - |
| **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** | **60** | | **(11.085.366.046)** | **(21.582.852.079)** |
| Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | (9.465.870.318) | (17.445.816.240) |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | (1.619.495.728) | (4.137.035.839) |
| **Lỗ trên cổ phiếu** | **70** | **26** | **(7.453)** | **(13.737)** |

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Đào Ngọc Bình | Đào Ngọc Bình | Trần Thị Minh |

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|---|---|---|---|---|
| **Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | | |
| Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 37.616.863.551 | 120.448.820.739 |
| Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | 02 | | (38.291.570.686) | (120.531.812.856) |
| Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (1.228.642.674) | (1.402.964.287) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 7.035.901.489 | 2.397.074.324 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (1.526.739.307) | (300.727.509) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** | | ***3.605.812.373*** | ***610.390.411*** |
| **Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (523.656.000) | (376.263.111) |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 30.360.000 |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 5.000.000 |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 78.220.024 | 448.895.652 |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** | | ***(445.435.976)*** | ***107.992.541*** |
| **Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | | |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (7.138.806.500) | (1.729.570.000) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** | | ***(7.138.806.500)*** | ***(1.729.570.000)*** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | **50** | | **(3.978.430.103)** | **(1.011.187.048)** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **4** | **5.008.144.861** | **5.990.467.478** |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 104.334.354 | 28.864.431 |
| **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **70** | **4** | **1.134.049.112** | **5.008.144.861** |

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Đào Ngọc Bình | Đào Ngọc Bình | Trần Thị Minh |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1302/QĐ-UB ngày 18/03/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Thanh Hà. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103007196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2005. Theo Quyết định số 4380/QĐ-UB ngày 23/06/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà.

Công ty có trụ sở chính tại số 122 - 123 tầng 1, nhà M2, Láng Trung, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Sau khi chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 5,7 tỷ đồng, chia thành 57.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng, trong đó, phần vốn Nhà nước chiếm 30%.

Trong năm 2007, Công ty đăng ký với Ủy ban chứng khoán về việc trở thành công ty đại chúng và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 15/05/2007, với số vốn điều lệ là 12.700.000.000 đồng, chia thành 1.270.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội - HAPROSIMEX (là đại diện sở hữu vốn Nhà nước) nắm giữ 342.000 cổ phần, chiếm 26,93% vốn điều lệ của Công ty;
- Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nắm giữ 331.990 cổ phần, chiếm 22,05% vốn điều lệ của Công ty;
- Các cổ đông khác nắm giữ 596.010 cổ phần, chiếm 46,93% vốn điều lệ của Công ty;

### 1.2 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thanh Hà đầu tư vào công ty con, nắm quyền kiểm soát công ty này trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty theo mô hình Công ty mẹ - con do Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thanh Hà giữ vai trò là Công ty mẹ.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty là:

| | Tại ngày 31/12/2015 | Vốn điều lệ | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ biểu quyết |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | (%) | (%) |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thanh Hà<br>(Địa chỉ: Đường 206, Khu công nghiệp Phố Nối A, Văn Lâm, Hưng Yên) | 2.907.000.000 | 5.700.000.000 | 51% | 51% |
| | **2.907.000.000** | | | |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

### 1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ và Công ty con theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh chè, khăn, quế.
- Sản xuất, chế biến và buôn bán các mặt hàng như: may mặc, dệt may, hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông, lâm, hải sản, dược liệu, khoáng sản phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu và tiêu dùng trong nước;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;
- Đại diện thương mại;
- Kinh doanh giao nhận, vận chuyển hàng hoá; và
- Kinh doanh nhà hàng, cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

### 1.4 CHU KỲ KINH DOANH

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

### 1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán. Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng thể hiện sự thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Công ty đã trình bày và phân loại lại các số liệu so sánh cho phù hợp với cách trình bày mới.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Dưới đây là các chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

### 2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà (Công ty mẹ), Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thanh Hà (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

### 2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

### 2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

### 3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

### 3.3 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư khác.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán đã được tự do mua bán trên thị trường được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2010/TT-BTC ngày 07/12/2010 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính. Công ty sử dụng giá tham khảo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại thời điểm kết thúc năm tài chính để làm cơ sở trích lập dự phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng bán của hầu hết các mặt hàng kinh doanh như: chè, quế, hạt tiêu và các mặt hàng khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng giá vốn của mặt hàng cà phê được xác định theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

| Loại tài sản | Số năm sử dụng |
|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 |
| Máy móc, thiết bị | 10 |
| Phương tiện vận tải | 6 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 5 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 5 - 20 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu "Thanh Hà" và "Haforexim" được xác định trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đã được các cơ quan chức năng phê duyệt. Giá trị thương hiệu được khấu hao trong thời gian 10 năm.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng. Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao trong 20 năm.

### 3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm.

- Đối với các khoản chi phí chờ phân bổ thời hạn phân bổ chi phí phù hợp với thời gian tham gia thực tế vào quá trình kinh doanh và tạo ra doanh thu.

- Đối với giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ dần, thời gian phân bổ chi phí là 2 năm.

### 3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một các chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến dao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.10 NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Tỷ giá sử dụng để quy đổi doanh thu, thu nhập và các khoản phải thu là tỷ giá mua vào tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh; tỷ giá sử dụng để quy đổi chi phí và các khoản phải trả là tỷ giá bán ra tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam).

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tiền mặt, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có phát sinh giao dịch (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam). Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có phát sinh giao dịch (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập hoặc chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập khác hoặc chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 hướng dẫn về thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

### 3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 3.13 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thành Hà là doanh nghiệp đang niêm yết trên thị trường UpCom (Mã chứng khoán là HFX). Công ty này được tổ chức 2 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, là:

1/ Bộ phận kinh doanh khăn, quế, chè: Phương thức là mua ngay bán ngay không để tồn kho dài hạn nhằm hạn chế tối đa các rủi ro như giảm giá hàng hóa và các chi phí phát sinh như lãi vay, hao hụt;

2/ Bộ phận dịch vụ cho thuê kho: Tập trung tìm đối tác nhằm khai thác các tài sản cố định như Văn phòng, kho hàng bằng nhiều hình thức như cho thuê, hợp tác kinh doanh.

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

### 3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

**Ghi nhận ban đầu**

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

***Nợ phải trả tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan của Công ty bao gồm các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Công ty.

## 4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2015<br>VND | 01/01/2015<br>VND |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 26.304.995 | 756.924 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.107.744.117 | 5.007.387.937 |
| | **1.134.049.112** | **5.008.144.861** |

## 5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | 31/12/2015 | | | 01/01/2015 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND | Giá trị hợp lý<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| **Tổng giá trị** | **458.250.000** | **343.620.800** | **(114.629.200)** | **458.250.000** | **309.354.000** | **(148.896.000)** |
| *+ Cổ phiếu VCB* | *292.162.000* | *221.738.900* | *(70.423.100)* | *292.162.000* | *161.632.000* | *(130.530.000)* |
| *+ Cổ phiếu STB* | *113.470.000* | *84.306.900* | *(29.163.100)* | *113.470.000* | *95.544.000* | *(17.926.000)* |
| *+ Cổ phiếu PVS* | 52.618.000 | 37.575.000 | *(15.043.000)* | 52.618.000 | 52.178.000 | *(440.000)* |
| | **458.250.000** | **343.620.800** | **(114.629.200)** | **458.250.000** | **309.354.000** | **(148.896.000)** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 6 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| **Ngắn hạn** | **14.985.330.926** | **(7.425.662.605)** | **9.797.258.469** | **(7.311.920.753)** |
| N AMOROS S.A. MOGODAL | 1.098.662.400 | - | 1.151.362.800 | - |
| - AHMED MOHAMED SALEH BAESHEN & CO | 1.837.645.040 | - | - | - |
| - Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư M&M | 3.232.500.000 | - | - | - |
| - Công ty TNHH Tân Phú | 5.357.572.740 | (5.357.572.740) | 5.357.572.740 | (5.357.572.740) |
| - BNA METROPOLIS SP.ZOO | 234.901.920 | (223.805.840) | 223.805.840 | (223.805.840) |
| - Công ty Thiết bị phụ tùng TMT | 73.422.926 | (73.422.926) | 73.422.926 | (73.422.926) |
| - Công ty CP XNK Thái Hà-Dương Thị Loan | 560.462.500 | (560.462.500) | 560.462.500 | (560.462.500) |
| - Cty TNHH Dệt May Vĩnh Thịnh | 341.510.433 | (341.510.433) | 341.510.433 | (341.510.433) |
| - Công ty chè Mỹ Lâm | 32.215.579 | (32.215.579) | 32.215.579 | (32.215.579) |
| - Công ty TNHH Liên kết thương mại TDK | 7.089.807 | (7.089.807) | 7.089.807 | (7.089.807) |
| - Công Ty TNHH Phú Đức | 508.926.000 | (508.926.000) | 508.926.000 | (508.926.000) |
| - Doanh nghiệp tư nhân Tiến Cường | 2.681.540 | (2.681.540) | 2.681.540 | (2.681.540) |
| - Hãng Thương Mại Đông Nam á | 200.208.600 | (200.208.600) | 200.208.600 | (200.208.600) |
| - Công ty TNHH TM và Dệt May XK Thanh Nam | 45.752.315 | (45.752.315) | 45.752.315 | - |
| - Cty CP Vĩnh Giang | 49.027.403 | (49.027.403) | 49.027.403 | - |
| - Cty CP Đầu tư XNK Gia Khánh | 10.542.000 | (10.542.000) | 10.542.000 | - |
| - Công ty TNHH Dệt may Thảo Nguyên | 8.420.134 | (8.420.134) | 8.420.134 | - |
| - Các đối tượng khác | 1.383.789.589 | (4.024.788) | 1.224.257.852 | (4.024.788) |
| | **14.985.330.926** | **(7.425.662.605)** | **9.797.258.469** | **(7.311.920.753)** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| **Ngắn hạn** | **103.695.407.218** | **(94.641.327.115)** | **107.636.158.438** | **(94.587.296.798)** |
| - Công ty SHP Steriltecjnik AG (1) | 15.048.543.824 | (7.524.271.912) | 15.048.543.824 | (7.524.271.912) |
| - Công ty Cổ phần XNK Công Chính (2) | 80.857.705.516 | (80.857.705.516) | 80.857.705.516 | (80.857.705.516) |
| - Công ty TNHH DV Hàng Hải & TM Hoàng Minh (3) | 3.462.273.399 | (3.462.273.399) | 3.462.273.399 | (3.462.273.399) |
| - Cơ Sở Mua Bán Nông Sản Anh Minh (4) | 1.762.262.800 | (1.762.262.800) | 1.762.262.800 | (1.762.262.800) |
| - Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt (5) | 887.331.171 | (887.331.171) | 887.331.171 | (887.331.171) |
| - Hoàng Văn Hoan | 132.247.246 | (132.247.246) | 132.247.246 | (93.452.000) |
| - HTX thương mại dịch vụ Xã Mỹ Bằng | 12.735.071 | (12.735.071) | 12.735.071 | - |
| - Nguyễn Thị Thảo | 2.500.000 | (2.500.000) | 2.500.000 | - |
| - Công ty TNHH Hoàng Quế Văn Yên | - | - | 329.049.840 | - |
| - Các khoản phải thu khác | 1.529.808.191 | - | 5.141.509.571 | - |
| | **103.695.407.218** | **(94.641.327.115)** | **107.636.158.438** | **(94.587.296.798)** |

(1) Là số dư khoản ứng trước tiền hàng cho Công ty SHP Steriltecjnik AG (Gustav-Ricker-Phố 62, D-39120 Magdeburg/Đức) theo 02 hợp đồng: Hợp đồng bán hàng số SHP – THANHHA/01/08 ngày 10/04/2008 và Hợp đồng bán hàng số SHP – THANHHA/02/08 ngày 10/04/2008 về việc cung cấp các thiết bị y tế và dịch vụ đi kèm. Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà đã thực hiện ứng trước tiền hàng cho Công ty SHP Steriltecjnik AG theo các điều khoản thanh toán của Hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình đàm phán thực hiện hợp đồng, hai bên vẫn chưa kết thúc việc giao hàng; đến ngày 31/12/2010, LC mở để thực hiện hợp đồng này đã hết hạn và việc thực hiện hợp đồng đã dừng lại, hồ sơ đã đưa sang công an điều tra. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này việc thu hồi công nợ vẫn chưa thực hiện được. Tại ngày 31/12/2015, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản công nợ này theo thời hạn quá hạn của L/C với tỷ lệ trích lập là 50% giá trị khoản công nợ.

(2) Công ty Cổ phần XNK Công Chính: Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào "Biên bản hòa giải thành lập ngày 14/10/2011 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2011/TLST-KDTM ngày 03/10/2011", Tòa án Nhân dân Thành phố Lâm Đồng đã ra "Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các Đương sự số 63/2011/QĐST-KDTM ngày 24/10/2011" với thỏa thuận như sau: Công ty CP Xuất nhập khẩu Công Chính có trách nhiệm trả cho Công ty CP Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà tổng số tiền là: 100.997.137.703 đồng (bao gồm: tiền mua hàng là 80.857.705.426 đồng, tiền lãi là 12.053.661.735 đồng, tiền phạt là 8.085.770.542 đồng), hồ sơ đã chuyển sang cơ quan thi hành án. Đến thời điểm Công ty lập Báo cáo tài chính này, vẫn chưa có quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục thanh lý và thanh toán khoản công nợ của Công ty CP XNK Công Chính cho các chủ nợ.

## 7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP)

(3) Công ty TNHH DV Hàng Hải & TM Hoàng Minh: Công ty đã thực hiện khởi kiện Công ty TNHH DV Hàng Hải & TM Hoàng Minh lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đã nhận được Bản án số 750/2013/KDTM-PT ngày 07/06/2013. Theo đó, Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải và Thương mại Hoàng Minh có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà số tiền là 3.518.602.782 đồng; thời hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 31/12/2013. Tuy nhiên, tới thời điểm lập Báo cáo tài chính này Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản công nợ trên.

(4) Cơ sở Mua bán Nông sản Anh Minh: Công ty đã thực hiện khởi kiện Ông Trần Quang Ba – chủ Cơ sở Mua bán Nông sản Anh Minh lên Tòa án Nhân dân huyện Di Linh – Lâm Đồng và đã nhận được bản án số: 09/2014/KDTM-ST ngày 27/08/2014.

(5) Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt: Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào Biên bản hòa giải thành lập ngày 01/08/2011 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 18/2011/TLST-KDTM ngày 15/06/2011; Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án Nhân dân huyện Xuân Lộc – Tỉnh Đồng Nai ngày 09/08/2011. Theo Quyết định này, Ông Lê Thao – chủ Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt và bà Trương Thị Hương liên đới thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà số tiền 1.064.131.907 đồng; đồng thời kể từ ngày bản án có hiệu lực chịu lãi chậm trả hàng tháng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Tuy nhiên tới thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản công nợ trên nên đã tiến hành trích lập dự phòng 100%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 8 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| **Ngắn hạn** | **1.578.289.471** | **-** | **1.454.159.341** | **-** |
| - Tạm ứng | 373.406.995 | - | 322.248.350 | - |
| - Thuế GTGT đề nghị hoàn | 1.180.396.801 | - | 1.109.076.490 | - |
| - Phải thu khác | 24.485.675 | - | 22.834.501 | - |
| | **1.578.289.471** | **-** | **1.454.159.341** | **-** |

## 9 HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 645.270.156 | - | 735.351.958 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 19.190.700 | - | 19.190.700 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 1.889.653.260 | - | 1.889.653.260 | - |
| Thành phẩm | 261.397.747 | - | 261.397.747 | - |
| Hàng hóa | 869.787.250 | - | 788.260.716 | - |
| | **3.685.299.113** | **-** | **3.693.854.381** | **-** |

Giá trị của hàng tồn kho tại ngày 31/12/2015 đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay: 2.796.321.163 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | TSCĐ HH khác | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| **NGUYÊN GIÁ** | | | | | | |
| **01/01/2015** | **13.019.512.654** | **6.466.146.996** | **2.802.297.130** | **174.833.376** | **723.141.877** | **23.185.932.033** |
| - Tăng khác | - | - | - | - | 606.960.000 | 606.960.000 |
| **31/12/2015** | **13.019.512.654** | **6.466.146.996** | **2.802.297.130** | **174.833.376** | **1.330.101.877** | **23.792.892.033** |
| **HAO MÒN LŨY KẾ** | | | | | | |
| **01/01/2015** | **(6.796.142.709)** | **(3.805.166.302)** | **(1.979.237.424)** | **(174.833.376)** | **(538.570.848)** | **(13.293.950.659)** |
| - Khấu hao trong năm | (693.099.798) | (636.418.334) | (254.752.627) | - | (79.865.718) | (1.664.136.477) |
| **31/12/2015** | **(7.489.242.507)** | **(4.441.584.636)** | **(2.233.990.051)** | **(174.833.376)** | **(618.436.566)** | **(14.958.087.136)** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | | | | |
| **01/01/2015** | **6.223.369.945** | **2.660.980.694** | **823.059.706** | **-** | **184.571.029** | **9.891.981.374** |
| **31/12/2015** | **5.530.270.147** | **2.024.562.360** | **568.307.079** | **-** | **711.665.311** | **8.834.804.897** |

Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2015 đang thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng là: 4.594.388.809 đồng.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2015 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.915.407.070 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | TSCĐ vô hình khác VND | Cộng VND |
|---|---|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ** | | | |
| **01/01/2015** | **646.610.265** | **297.058.533** | **943.668.798** |
| **31/12/2015** | **646.610.265** | **297.058.533** | **943.668.798** |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN** | | | |
| **01/01/2015** | **(359.623.279)** | **(259.926.214)** | **(619.549.493)** |
| - Khấu hao trong năm | (32.330.514) | (7.426.465) | (39.756.979) |
| **31/12/2015** | **(391.953.793)** | **(267.352.679)** | **(659.306.472)** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | |
| **01/01/2015** | **286.986.986** | **37.132.319** | **324.119.305** |
| **31/12/2015** | **254.656.472** | **29.705.854** | **284.362.326** |

## 12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

| | 31/12/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **9.090.884.807** | **9.632.995.440** |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Công Nghệ Vật tư Khoa học Kỹ thuật và Công Trình (*) | 8.239.233.111 | 8.239.233.111 |
| - Công ty TNHH Hoàng Quế Văn Yên | - | 329.300.000 |
| - Công ty TNHH XNK An Long | 149.040.952 | 198.265.952 |
| - Đối tượng khác | 702.610.744 | 866.196.377 |
| | **9.090.884.807** | **9.632.995.440** |

(*) Là số tiền người mua trả trước của Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ Vật tư Khoa học Kỹ thuật và Công trình (nay là Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam) theo hai hợp đồng kinh tế: Hợp đồng kinh tế số 088 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 và Hợp đồng kinh tế số 089 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 về việc cung cấp 02 hệ thống xét nghiệm di động & 02 hệ thống khử khuẩn cho Bộ Y tế Việt Nam sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Đức thông qua Ngân hàng Tài thiết Đức (Kfw).

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, việc nhập hàng đã bị dừng lại (với nhà cung cấp SHP Steriltecjnik AG – chi tiết tại Thuyết minh số 7). Do đó, việc giao hàng chưa được thực hiện cho Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam.

Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam đã có công văn yêu cầu đơn phương chấm dứt hai hợp đồng nói trên với Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà. Tuy nhiên, nghĩa vụ trả nợ giữa Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà với Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam vẫn đang được cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra và chưa có phán quyết cuối cùng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2015<br>VND | 01/01/2015<br>VND |
|---|---|---|
| - Chi phí lãi vay | 89.470.495.978 | 79.612.938.233 |
| *+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (*)* | *9.733.168.893* | *34.946.294.082* |
| *+ Sở GD Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam* | *14.915.177.353* | *12.070.038.222* |
| *+ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam* | *64.822.149.732* | *32.596.605.929* |
| - Phải trả khác | 369.490.215 | 364.239.567 |
| | **89.839.986.193** | **79.977.177.800** |

(*) Khoản chi phí lãi vay của Công ty mẹ (số tiền 26.593.024.318 đồng) đã được chuyển giao cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam theo biên bản ngày 27/03/2015 ký giữa 3 bên: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (chủ nợ mới); Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (chủ nợ cũ) và Công ty mẹ.

## 14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2015<br>VND | 01/01/2015<br>VND |
|---|---|---|
| - Kinh phí công đoàn | 56.891.000 | 78.975.913 |
| - Bảo hiểm xã hội | 107.191.016 | 224.291.016 |
| - Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (*) | - | 31.861.541.000 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 7.725.167 | 261.600.688 |
| | **171.807.183** | **32.426.408.617** |

(*) Theo Biên bản làm việc về thỏa thuận các nội dung chính của phương án xử lý nợ, tái cơ cấu tài chính cho Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà giữa các bên ngày 10/12/2011, Công ty Mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp sẽ triển khai việc đàm phán và mua lại các khoản nợ của Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình. Trên cơ sở kết quả đạt được về việc mua nợ tồn đọng của các Ngân hàng, Công ty Mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp sẽ xem xét giảm trừ trách nhiệm trả nợ theo quy định hiện hành (dự kiến mức tối đa khoảng 50 tỷ đồng) cho Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà, giúp Công ty lành mạnh hóa tình hình tài chính để phát triển sản xuất kinh doanh.

Theo Biên bản Xác nhận, chuyển giao nợ và nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình; Công ty Mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp và Công ty ngày 10/05/2012: toàn bộ phần dư nợ vay và hồ sơ khoản nợ vay (bản gốc) của Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình được chuyển đổi sang chủ nợ là Công ty Mua, Bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp. Lãi suất tính trên dư nợ gốc áp dụng theo Thông tư số 161/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 15 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2015 | | Trong kỳ | | 01/01/2015 | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Sở GD Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam (VND) | 9.797.848.428 | - | - | 120.000.000 | 9.917.848.428 | - |
| Sở GD Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam (USD) | 11.917.336.990 | - | 715.222.153 | 121.871.744 | 11.323.986.581 | - |
| Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (*) | 53.037.294.271 | - | 53.038.003.151 | 708.880 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (**) | 15.246.674.472 | - | 727.195.181 | 28.195.268.651 | 42.714.747.942 | - |
| Vay cá nhân | 2.513.015.190 | - | - | - | 2.513.015.190 | - |
| | **92.512.169.351** | **-** | **54.480.420.485** | **28.437.849.275** | **66.469.598.141** | **-** |

(*) Theo Biên bản Xác nhận, chuyển giao nợ và nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội; Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam và Công ty mẹ ngày 27/03/2015: toàn bộ phần dư nợ vay (số tiền 28.176.462.151 đồng) và hồ sơ khoản nợ vay (bản gốc) của Công ty mẹ với Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội được chuyển đổi sang chủ nợ mới là Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam.

(**) Khoản vay ngắn hạn của SHB trong đó bao gồm:

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 276.SGDHN.HBB/ HĐTD-TDH/2011 ngày 11/07/2011 và phụ lục hợp đồng gia hạn số 04 ngày 5/3/2012 với hạn mức tín dụng là 21 tỷ đồng, số tiền vay đến ngày 31/12/2015 là 180.940,9 USD. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh. Hợp đồng thế chấp số 276/HĐTC ngày 11/07/2011, tài sản thế chấp là: "hàng tồn kho nông sản" trị giá 21 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2015 giá trị ghi sổ của hàng tồn kho tương ứng là: 0 đồng.

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 275.SGDHN.HBB/ HĐTD-TDH/2011 ngày 22/07/2011 và phụ lục hợp đồng gia hạn số 04 ngày 5/3/2012 với hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng, số tiền vay đến ngày 31/12/2015 là 428.656,43 USD và 2.207.704.791 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh. Hợp đồng thế chấp số 275/HĐTC ngày 22/07/2011, tài sản thế chấp là: "hàng tồn kho khăn bông" trị giá 15 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2015 giá trị ghi sổ của hàng tồn kho tương ứng là: 2.796.321.163 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Khoản mục | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính (*) | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| **01/01/2014** | **12.700.000.000** | **3.500.000.000** | **9.268.508.230** | **1.568.586.982** | **(156.202.241.577)** | **(5.998.804.274)** | **(135.163.950.639)** |
| - Lỗ trong năm | - | - | - | | (17.445.816.240) | (4.137.035.840) | (21.582.852.080) |
| **31/12/2014** | **12.700.000.000** | **3.500.000.000** | **9.268.508.230** | **1.568.586.982** | **(173.648.057.817)** | **(10.135.840.114)** | **(156.746.802.719)** |
| 01/01/2015 | 12.700.000.000 | 3.500.000.000 | 10.837.095.212 | - | (173.648.057.817) | (10.135.840.114) | (156.746.802.719) |
| - Lỗ trong năm | - | - | - | - | (9.465.870.317) | (1.619.495.728) | (11.085.366.045) |
| **31/12/2015** | **12.700.000.000** | **3.500.000.000** | **10.837.095.212** | **-** | **(183.113.928.134)** | **(11.755.335.842)** | **(167.832.168.764)** |

(*): Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, không còn khoản mục Quỹ dự phòng tài chính trên Bảng Cân đối kế toán, theo đó, Công ty phân loại số dư Quỹ dự phòng tài chính tại ngày 01/01/2015 vào Quỹ đầu tư phát triển.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 16 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

### 16.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

| | Tại ngày 31/12/2015 | | Tại ngày 01/01/2015 | |
|---|---|---|---|---|
| | VND | Tỷ lệ | VND | Tỷ lệ |
| **Cổ đông lớn** | **6.739.900.000** | **53,07%** | **6.739.900.000** | **53,07%** |
| Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội | 3.420.000.000 | 26,93% | 3.420.000.000 | 26,93% |
| Ông Nguyễn Văn Hợp | 1.637.000.000 | 12,89% | 1.637.000.000 | 12,89% |
| Bà Bùi Thị Thu Hà | 630.600.000 | 4,97% | 630.600.000 | 4,97% |
| Bà Nguyễn Thị Bình | 374.000.000 | 2,94% | 374.000.000 | 2,94% |
| Ông Nguyễn Ngọc Vân | 678.300.000 | 5,34% | 678.300.000 | 5,34% |
| **Các cổ đông khác** | **5.960.100.000** | **46,93%** | **5.960.100.000** | **46,93%** |
| | **12.700.000.000** | **100,00%** | **12.700.000.000** | **100,00%** |

## 17 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|---|---|
| Ngoại tệ các loại | | |
| - USD | 6.269,02 | 8.231,28 |
| - EUR | 239,05 | 238,81 |

## 18 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|---|---|---|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 42.185.552.461 | 40.185.840.692 |
| | **42.185.552.461** | **40.185.840.692** |

## 19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|---|---|---|
| Giá vốn hàng bán | 36.066.832.017 | 36.647.034.849 |
| | **36.066.832.017** | **36.647.034.849** |

## 20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|---|---|---|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 70.707.524 | 438.987.652 |
| Cổ tức được chia | 7.512.500 | 9.908.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 126.333.800 | - |
| | **204.553.824** | **448.895.652** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|---|---|---|
| Chi phí lãi vay | 9.834.209.263 | 17.293.611.245 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 17.504.304 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 1.190.228.321 | 338.176.224 |
| | **11.041.941.888** | **17.631.787.469** |

## 22 CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|---|---|---|
| Chi phí vận chuyển | 1.204.795.628 | 1.304.744.823 |
| Phí ngân hàng | 105.231.554 | 103.166.110 |
| Chi phí bằng tiền khác | 219.143.923 | 111.907.339 |
| | **1.529.171.105** | **1.519.818.272** |

## 23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|---|---|---|
| Chi phí nhân viên quản lý | 140.500.000 | 531.539.220 |
| Chi phí vật liệu quản lý | - | 1.513.543 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | - | 68.470.752 |
| Chi phí khấu hao Tài sản cố định | 1.703.893.456 | 1.877.581.878 |
| Chi phí dự phòng | 188.758.757 | 940.702.345 |
| Thuế, phí và lệ phí | - | 2.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 118.352.690 | 155.710.559 |
| Chi phí bằng tiền khác | 2.871.475.927 | 2.859.931.207 |
| | **5.022.980.830** | **6.437.449.504** |

## 24 THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|---|---|---|
| Thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | 30.000.000 |
| Tiền phân chia GTTS Công ty Xanh Cà phê | - | 8.721.326 |
| Các khoản thu nhập khác | 440.302.753 | 360.000 |
| | **440.302.753** | **39.081.326** |

## 25 CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|---|---|---|
| Chi phí phạt chậm nộp thuế | 254.849.244 | - |
| Các khoản chi phí khác | - | 20.579.655 |
| | **254.849.244** | **20.579.655** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|---|---|
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | (9.465.870.318) | (17.445.816.240) |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP) | 1.270.000 | 1.270.000 |
| **Lỗ trên cổ phiếu (VND/CP)** | **(7.453)** | **(13.737)** |

## 27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lí rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.14.

### Các loại công cụ tài chính

| | 12/31/2015<br>VND | 01/01/2015<br>VND |
|---|---|---|
| **Tài sản tài chính** | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.134.049.112 | 5.008.144.861 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 343.620.800 | 309.354.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn (Bao gồm phải thu ngắn hạn của khách hàng) | 7.559.668.321 | 3.337.236.984 |
| **Cộng** | **9.037.338.233** | **8.654.735.845** |
| **Nợ phải trả tài chính** | | |
| Vay và nợ | 92.512.169.351 | 66.469.598.141 |
| Phải trả người bán | 6.616.148.597 | 2.898.896.047 |
| Chi phí phải trả | 89.839.986.193 | 79.977.177.800 |
| Phải trả khác | - | 32.123.141.688 |
| **Cộng** | **188.968.304.141** | **181.468.813.676** |
| **Trạng thái ròng** | **(179.930.965.908)** | **(172.814.077.831)** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

### Các loại công cụ tài chính (tiếp)

Tại ngày 31/12/2015, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

### Quản lí rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

#### *Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ là đồng Đô la Mỹ (USD), do đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá.

#### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết với Công ty Mua, Bán nợ và Tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội, Sở giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

#### *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

### Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

| | Dưới 1 năm<br>VND | Từ 1-5 năm<br>VND | Tổng<br>VND |
|---|---|---|---|
| **12/31/2015** | | | |
| Vay và nợ | 92.512.169.351 | - | 92.512.169.351 |
| Phải trả người bán | 6.616.148.597 | - | 6.616.148.597 |
| Chi phí phải trả | 89.839.986.193 | - | 89.839.986.193 |
| Phải trả khác | - | - | - |
| | **188.968.304.141** | **-** | **188.968.304.141** |
| **01/01/2015** | | | |
| Vay và nợ | 66.469.598.141 | - | 66.469.598.141 |
| Phải trả người bán | 2.898.896.047 | - | 2.898.896.047 |
| Chi phí phải trả | 79.977.177.800 | - | 79.977.177.800 |
| Phải trả khác | 32.123.141.688 | - | 32.123.141.688 |
| | **181.468.813.676** | **-** | **181.468.813.676** |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang nỗ lực để tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản đầu tư, Công ty không đầu tư mới trong năm. Đối với các khoản phải thu (bao gồm: phải thu khách hàng và trả trước cho người bán) đều có rủi ro cao và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ đồng thời vẫn tiếp tục nỗ lực để thu hồi công nợ.

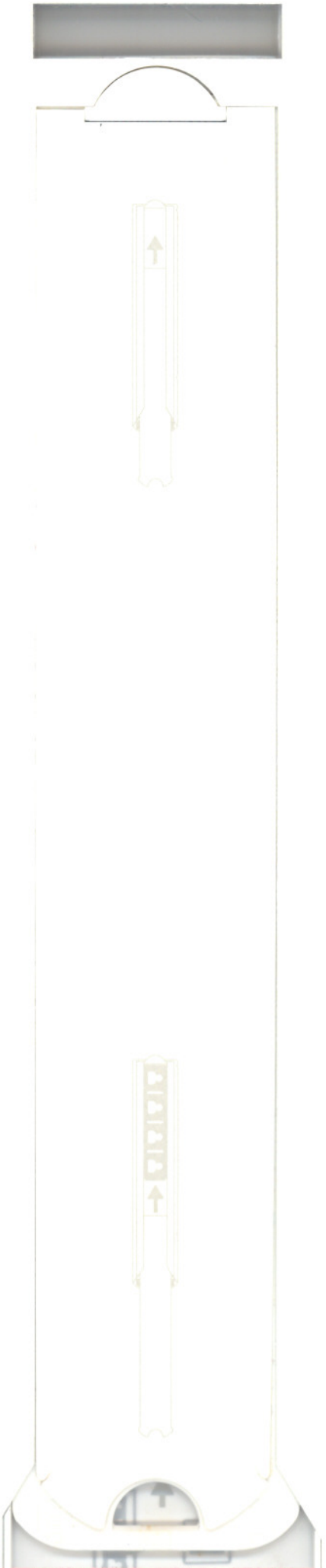

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## 29 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 29.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|---|---|---|
| **Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc** | **267.064.500** | **293.312.806** |
| Tiền lương, thưởng | 267.064.500 | 293.312.806 |

### 29.2 TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tính đến ngày 31/12/2015, tổng nợ ngắn hạn phải trả của Công ty là 200.246.169.393 đồng, tổng tài sản ngắn hạn là 23.182.860.073 đồng; tổng công nợ dài hạn là 0 đồng, tổng tài sản dài hạn là 9.231.140.556 đồng; lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2015 là 183.113.928.134 đồng. Nguồn vốn chủ sở hữu bị âm số tiền là 167.832.168.764 đồng. Tuy nhiên, lỗ lũy kế xuất phát từ sự thận trọng của Ban Tổng Giám đốc khi trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi với số tiền lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2015 là 102.400.192.530 đồng, trích trước chi phí lãi vay phải trả ngân hàng lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền 89.470.495.978 đồng. Với tình hình tài chính như trên, nếu xét theo điều kiện bình thường thì Công ty khó có khả năng tiếp tục hoạt động. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đang tích cực đôn đốc thu hồi công nợ, tiếp tục làm việc với các Ngân hàng và Công ty mua bán nợ Việt Nam để cơ cấu nợ phải trả, xin giảm nợ và làm việc với các Cổ đông nhằm góp bổ sung vốn cho Công ty. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ hoạt động bình thường trong 12 tháng tiếp theo.

### 29.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2014 đã được kiểm toán. Công ty đã thực hiện trình bày và phân loại lại các số liệu so sánh cho phù hợp với cách trình bày mới theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC đối với một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán, chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh như sau:

| Khoản mục | Mã số | Trên BCĐKT tại 01/01/2015 VND | Mã số | Trên BCĐKT tại 31/12/2014 VND | Chênh lệch VND |
|---|---|---|---|---|---|
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 1.454.159.341 | 135 | 1.131.910.991 | 322.248.350 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | - | 158 | 322.248.350 | (322.248.350) |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 66.469.598.141 | 311 | 66.469.598.141 | - |
| **Cộng** | | | | | - |

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Đào Ngọc Bình | Đào Ngọc Bình | Trần Thị Minh |